

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK LONG**

Số: 570 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Long, ngày 15 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng, nâng cấp Trụ sở làm việc Công an xã Đắk Long thuộc Công an tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẮK LONG

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về quy định quy định chi tiết một số điều thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 53/VBHN-BNNMT ngày 05/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Kon Tum: Số 48/2024/QĐ-UBND ngày 19/9/2024 về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Số 86/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 Sửa đổi, bổ sung Điều 12 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum (kèm theo Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 19/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum); Số 87/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 ban hành quy định về đơn giá cây trồng, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025; Số 62/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 về việc ban hành bảng đơn giá nhà, công trình xây dựng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1766/QĐ-BCA-H01 ngày 07/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư 06 dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an biên giới đất liền thuộc Công an tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 904/QĐ-CAT-HC ngày 04/5/2026 của Giám đốc Công an tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng, nâng cấp Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Long thuộc Công an tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Thông báo số 65/TB-UBND ngày 17/06/2026 của Ủy ban nhân dân xã Đăk Long thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng, nâng cấp trụ sở làm việc Công an xã Đăk Long thuộc Công an tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Văn bản số 775/UBND-KT ngày 12/07/2025 của UBND xã Đăk Long về việc thông tin hồ sơ để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng, nâng cấp Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Long thuộc Công an tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Biên bản kiểm đếm khối lượng tài sản bị ảnh hưởng thực tế giữa Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh khu vực Kon Tum; UBND xã Đăk Long; thôn trưởng thôn Đăk Tu; các tổ chức có đất bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Xây dựng, nâng cấp Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Long thuộc Công an tỉnh Quảng Ngãi và các hồ sơ có liên quan do các tổ chức có đất bị ảnh hưởng cung cấp;

Căn cứ hồ sơ Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng, nâng cấp Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Long thuộc Công an tỉnh Quảng Ngãi do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh khu vực Kon Tum lập;

Căn cứ Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 29/8/2026 của Chủ tịch UBND xã Đăk Long thành lập Tổ thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn xã Đăk Long, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Báo cáo số 31/BC-TTĐ ngày 14/9/2026 của Tổ thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn xã Đăk Long, tỉnh Quảng Ngãi về kết quả thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng, nâng cấp Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Long thuộc Công an tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã Đăk Long tại Tờ trình số 76/TTr-PKT ngày 15/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng, nâng cấp Trụ sở làm việc Công an xã Đăk Long thuộc Công an tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung sau:

1. Tổng diện tích đất thu hồi: 3.943,5 m², gồm đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông 498 m² và đất trụ sở cơ quan 3.445,5 m².

2. Tổng số hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi: 02 tổ chức.

3. Phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không.

4. Phương án bố trí tái định cư: Không.

5. Phương án di dời mồ mã trong phạm vi thu hồi: Không.

6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng, công cộng: Không.

7. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 922.498.491 đồng, bao gồm:

7.1. Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân: 848.832.491 đồng (có Phương án chi tiết kèm theo).

7.2. Chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 73.666.000 đồng (có Dự toán chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh khu vực Kon Tum:

- Chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư dự án và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức; Thực hiện các thủ tục về tài chính theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế xã Đăk Long bổ sung hồ sơ thu hồi đất (nếu có) tham mưu Ủy ban nhân dân xã Đăk Long ban hành Quyết định thu hồi đất theo đúng quy định tại Điều 87 Luật Đất đai năm 2024.

2. Phòng Kinh tế theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp Trung tâm phát triển quỹ đất Chi nhánh khu vực Kon Tum thực hiện các thủ tục có liên quan về đất đai theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Đăk Long; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội xã Đăk Long; Thuế cơ sở 7 tỉnh Quảng Ngãi; Giám đốc Công an tỉnh Quảng Ngãi; Giám đốc Bưu điện tỉnh Quảng Ngãi; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất Chi nhánh khu vực Kon Tum; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Thường trực Đảng ủy xã (báo cáo);
- Thường trực HĐND xã (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Văn Bình

PHỤ LỤC SỐ 01

BƯỞI TOÁN CHI PHÍ PHỤC VỤ BỒI THƯỜNG

Công trình: Xây dựng, nâng cấp Lưu trữ làm việc Công an xã Đắk Long thuộc Công an tỉnh Quảng Ngãi
(kèm theo Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 15/9/2026 của UBND xã Đắk Long)



TT	Nội dung chi	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG CỘNG	73.666.000	
1	Chi phí cho Trung Tâm PTQĐ chi nhánh Khu vực Kon Tum	64.966.000	
2	Ủy ban nhân dân xã Đắk Long	8.700.000	

TT	GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG	BON VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	BON GIÁ XÂY DỰNG MỚI	TỶ LỆ % CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC CỦA CÔNG TRÌNH VÀ TÀI KIẾN TRÚC (theo Biên bản làm việc ngày 15/7/2026)	GIÁ TRỊ HIỆN CÓ CỦA CÔNG TRÌNH VÀ TÀI KIẾN TRÚC	GIÁ TRỊ XÂY DỰNG MỚI	TỶ LỆ (%) GIÁ TRỊ HIỆN CÓ CỦA CÔNG TRÌNH VÀ TÀI KIẾN TRÚC	KHOẢN TIỀN TÍNH BẢNG TỶ LỆ % GIÁ TRỊ HIỆN CÓ CỦA CÔNG TRÌNH VÀ TÀI KIẾN TRÚC THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 48/QĐ-UBND	GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
1	Bưu điện tỉnh Quảng Ngãi - Địa chỉ: Đường Trần Phú, phường Kôn Tum, tỉnh Quảng Ngãi - Số điện thoại: 0922271188 - Diện tích đất công trình hạ tầng bưu chính viễn thông bị thu hồi (thửa đất số 316, tờ bản đồ số 54) + Về hiện trạng sử dụng đất: Đất công trình hạ tầng bưu chính viễn thông. + Về tình trạng tranh chấp đất đai: Không tranh chấp + Về nguồn gốc sử dụng đất: Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số AC 921764; Số vào sổ cấp GCN T00205, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kôn Tum cấp ngày 01/12/2005. + Mục đích sử dụng đất theo GCN QSDĐ: Đất cơ sở văn hoá không kinh doanh + Đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất nên không được bồi thường về đất theo Điểm a Khoản 1 Điều 107 Luật Đất đai 2024	Xã Đak Long	m ²	498,00						114.580,425
	- Nhà 1 tầng: Tường chịu lực, tường bao xây gạch dày 15cm, nền lát gạch (200*200)mm, tường bả thạch và sơn nước, cửa đi và cửa sổ bằng gỗ và sắt, trần tôn, hệ thống điện nổi, hệ thống nước nổi, mái lợp tôn, vệ sinh khép kín, chiều cao trần 3m, diện tích 41 m² (sử dụng năm 2002) (t_đ dùng đơn giá tài sản 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kôn Tum; hệ thống điện nước nổi; không có nhà vệ sinh; cao trần "hệ số bù cuộc" văn chuyên) (Bất thường theo BB xác định giá trị còn lại của nhà là 59%, lập ngày 15/07/2026)	m ²	41	3.947,238	59,0%	95.483,687	161.836,758	20%	19.096,737	114.580,425
	- Trụ công xây gạch, trần vữa xi măng (k_t: 1,8*0,4*0,4) 2 tr_đ (sử dụng năm 2002) (t_đ dùng đơn giá tài sản 18 Phụ lục IV Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kôn Tum; sơn nước "hệ số bù cuộc" văn chuyên) (Theo thông tư 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 về Kiến trúc khác thời gian khấu hao là 10 năm)	m ³	0,58	1.901,613	0%		1.095,329		-	-
	- Nền xi măng: diện tích (2*2,0) m (t_đ dùng đơn giá tài sản 1 Phụ lục III Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kôn Tum; hệ số bù cuộc văn chuyên) (sử dụng khoảng năm 2002) (Theo thông tư 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 ban hành, sản phẩm: sỏi cỡ 40... thời gian khấu hao là 20 năm)	m ²	5,20	76,370	0%		397,124		-	-
2	UBND xã Đak Long - Địa chỉ: Thôn Đak Tu, xã Đak Long, tỉnh Quảng Ngãi - Số điện thoại: - Diện tích đất trồng cây lâu năm bị thu hồi (thửa đất số 315, tờ bản đồ số 54) + Về hiện trạng sử dụng đất: Đất tru cơ quan. + Về tình trạng tranh chấp đất đai: không tranh chấp + Về nguồn gốc sử dụng đất: Đất do UBND xã Đak Long quản lý + Về nguồn gốc sử dụng đất: Đất do UBND xã Đak Long quản lý + Không được bồi thường về đất theo Điểm a Khoản 1 Điều 107 Luật Đất đai 2024	Xã Đak Long	m ²	3.445,50						734.252,066

TT	GIÁ TRỊ BỎI THƯỜNG	BON VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	BON GIÁ XÂY DỰNG MỚI	TỶ LỆ % CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH, VẬT KIỆN TRƯỚC (theo biên bản làm việc ngày 15/7/2026)	GIÁ TRỊ HIỆN CÓ CỦA CÔNG TRÌNH, VẬT KIỆN TRƯỚC	GIÁ TRỊ XÂY DỰNG MỚI	TỶ LỆ (%)	KHOẢN TIỀN TÍNH BẢNG TỶ LỆ % GIÁ TRỊ HIỆN CÓ CỦA CÔNG TRÌNH, VẬT KIỆN TRƯỚC THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 48/QĐ-UBND	GIÁ TRỊ BỎI THƯỜNG, HỒ TRỢ
	- Nhà 1 tầng: Tường chịu lực, tường bao xây gạch dày 15cm, nền lát gạch (200*200)mm, tường bả matit và sơn nước, cửa đi và cửa sổ bằng gỗ, trần gỗ, hệ thống điện nôi, không có hệ thống nước, mái lợp tôn, không có nhà vệ sinh và sân chiếu cao trên 3m. Diện tích (18,5*7,4)m = (17*7,4)m (Vấn dụng đơn giá tại sơ 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 62/2024 QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kon Tum-bệ thống điện nôi-không có hệ thống nước-không có nhà vệ sinh-cao trên 3m-bệ vệ sinh và sân chiếu) (sử dụng khoảng năm 2000) (Bồi thường theo BB xác định giá trị còn lại của nhà là 40,5% lập ngày 15/07/2026)	m2	262,7	3.799,953	40,5%	404.290,300	998.247,653	20%	80.838,060	485.148,339
	- Nhà 1 tầng: Tường chịu lực, tường bao xây gạch dày 15cm, nền lát gạch (400*400)mm, tường bả matit và sơn nước, cửa đi và cửa sổ bằng sắt, trần bằng vật liệu cách nhiệt, hệ thống điện nôi, không có hệ thống nước, mái lợp tôn, không có nhà vệ sinh và sân chiếu cao trên 3m. Diện tích (13,5*5,3)m (Vấn dụng đơn giá tại sơ 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 62/2024 QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kon Tum-diện nôi-không có hệ thống nước-không có nhà vệ sinh-cao trên 3m-bệ vệ sinh và sân chiếu) (sử dụng năm 2020 theo Công văn số 775/UBND-KT ngày 12/07/2026 của UBND xã Đăk Long, thời gian sử dụng đến năm 2026 là 7 năm) (Bồi thường theo BB xác định giá trị còn lại của nhà là 75,6% lập ngày 15/07/2026)	m2	71,5	3.799,953	75,60%	205.546,298	271.886,637	10%	20.554,630	226.100,927
	- Nhà vệ sinh: kết cấu tường chịu lực, tường xây gạch dày 15cm, nền lát gạch (200*200)mm, tường bả matit và sơn nước, không trần, cửa sắt, mái lợp tôn, hệ thống điện nôi, hệ thống nước nôi, chiều cao trên 3m. Diện tích: (4,2*6,5)+(2*2,5)Vấn dụng đơn giá tại sơ 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 62/2024 QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kon Tum-bệ vệ sinh và sân chiếu) (bỏ hoang không sử dụng) (Không bồi thường theo quy định tại khoản 4 Điều 105 Luật Đất đai 2024)	m2	32,3	2.317,066		-			-	-
	- Nền lát gạch (400*400)mm, diện tích(13*1,2)m(Vấn dụng đơn giá tại sơ 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 62/2024 QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kon Tum-bệ vệ sinh và sân chiếu) (xây dựng năm 2020 theo Công văn số 775/UBND-KT ngày 12/07/2026 của UBND xã Đăk Long) (Bồi thường theo BB xác định giá trị còn lại của nhà là 75,6% lập ngày 15/07/2026)(đi theo kết cấu nhà 79,5 m2)	m2	15,6	207,290	75,60%	2.444,695	3.233,724	10%	244,470	2.689,165
	- Nền láng xi măng, diện tích(9,2*17,5)m (Vấn dụng đơn giá tại sơ 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 62/2024 QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kon Tum-bệ vệ sinh và sân chiếu) (xây dựng năm 2025 theo biên bản sử dụng đến năm 2026 là 2 năm) (Theo thông tư 141/2025 TT-BTC ngày 31/12/2025 bãi bỏ, sản phẩm, sản phẩm... thời gian khấu hao là 20 năm)	m2	161,0	76,370	90,00%	11.066,013	12.295,570	10%	1.106,601	12.172,614
	- Mái hiện kết cấu tru gỗ, mái lợp tôn, diện tích(3,2*4,8)m (Vấn dụng đơn giá tại sơ 4 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 62/2024 QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kon Tum-bệ vệ sinh và sân chiếu) (sử dụng trên 20 năm) (Theo thông tư 141/2025 TT-BTC ngày 31/12/2025 vật kiến trúc khác thời gian khấu hao là 10 năm)	m2	15,4	411,307	0%		6.317,676		-	-

TT	GIÁ TRỊ BÔI THƯỜNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG MỚI	TỶ LỆ % CHIA T LƯỢNG CÔNG LẠI CỦA CÔNG TRÌNH, VẬT KIẾN TRÚC (theo biên bản làm việc ngày 15/7/2025)	GIÁ TRỊ HIỆN CÓ CỦA CÔNG TRÌNH, VẬT KIẾN TRÚC	GIÁ TRỊ XÂY DỰNG MỚI	TỶ LỆ (%) GIÁ TRỊ HIỆN CÓ CỦA CÔNG TRÌNH, VẬT KIẾN TRÚC	KHOẢN TIỀN TÍNH BẢNG TỶ LỆ % GIÁ TRỊ HIỆN CÓ CỦA CÔNG TRÌNH, VẬT KIẾN TRÚC THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 48/QĐ-UBND	GIÁ TRỊ BÔI THƯỜNG, HỒ TRỢ
	- Mới triển kết cấu tru BTCT, trần 66 BTCT, diện tích 3,2*4,8m (Vấn dụng đơn giá tại sđ 2 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 62/2024 QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về số bù cuộc vận chuyển) (sử dụng từ 141/2025 TT-BTC ngày 31/12/2025 vật kiến trúc khác thời gian khấu hao là 10 năm)	m ²	15,4	661,146	0%		10,155,203		-	-
	- Đường bê tông xi măng, mặt đường đá 1*2 dày 20cm, diện tích 63,1 m ² (Vấn dụng đơn giá tại sđ 54 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 62/2024 QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về số bù cuộc vận chuyển) (sử dụng từ 141/2025 TT-BTC ngày 31/12/2025 vật kiến trúc khác thời gian khấu hao là 10 năm)	m ²	63,1	337,119	0%		21,272,209		-	-
	- Hàng rào tru xây gạch (0,2*0,2) cao 1,5m, Lưới B40 cao 1,2m dày (12,2*3,3) m (Vấn dụng đơn giá tại sđ 26 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 62/2024 QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về số bù cuộc vận chuyển) (sử dụng từ 141/2025 TT-BTC ngày 31/12/2025 vật kiến trúc khác thời gian khấu hao là 10 năm)	m ²	18,7	170,196	0%		3,186,069		-	-
	- Hàng rào tru BTCT(0,1*0,1) cao 2m, Lưới B40 cao 1,2m dày 21,9m (Vấn dụng đơn giá tại sđ 25 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 62/2024 QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về số bù cuộc vận chuyển) (sử dụng từ 141/2025 TT-BTC ngày 31/12/2025 vật kiến trúc khác thời gian khấu hao là 10 năm)	m ²	26,3	121,756	0%		3,199,737		-	-
	- Hàng rào tru BTCT(0,1*0,1) cao 2m, Lưới B40 cao 2m dày 20,3m (Vấn dụng đơn giá tại sđ 25 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 62/2024 QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về số bù cuộc vận chuyển) (sử dụng từ 141/2025 TT-BTC ngày 31/12/2025 vật kiến trúc khác thời gian khấu hao là 10 năm)	m ²	40,6	202,926	0%		8,238,796		-	-
	- Hàng rào tường xây gạch, trát xi măng 2 mặt, diện tích 12,3*3,4m, cao 0,6m (Vấn dụng đơn giá tại sđ 26 Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định số 62/2024 QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về số bù cuộc vận chuyển) (sử dụng từ 141/2025 TT-BTC ngày 31/12/2025 vật kiến trúc khác thời gian khấu hao là 10 năm)	m ²	9,4	961,171	0%		8,996,561		-	-
	- Mới triển kết cấu tru 8 (Vấn dụng đơn giá tại sđ 35b Phụ lục II Quyết định số 87/2024 QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Kon Tum, Kinh doanh từ năm thứ 5 đến năm thứ 10)	cây	1,0	1,790,000	100%					1,790,000
	- Mới triển kết cấu tru 8 (Vấn dụng đơn giá tại sđ 35b Phụ lục II Quyết định số 87/2024 QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Kon Tum, Kinh doanh từ năm thứ 5 đến năm thứ 12)	cây	2,0	1,180,000	100%					2,360,000
	- Mới triển kết cấu tru 8 (Vấn dụng đơn giá tại sđ 34b Phụ lục II Quyết định số 87/2024 QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Kon Tum, Kinh doanh từ năm thứ 3 đến năm thứ 12)	cây	1,0	1,180,000	100%					1,180,000

TT	GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG	BON VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	BON GIÁ XÂY DỰNG MỚI	TỶ LỆ % CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH, VẬT KIẾN TRÚC (theo biên bản làm việc ngày 15/7/2026)	GIÁ TRỊ HIỆN CÓ CỦA CÔNG TRÌNH, VẬT KIẾN TRÚC	GIÁ TRỊ XÂY DỰNG MỚI	TỶ LỆ (%) GIÁ TRỊ HIỆN CÓ CỦA CÔNG TRÌNH, VẬT KIẾN TRÚC	KHOẢN TIỀN TÍNH BẢNG TỶ LỆ % GIÁ TRỊ HIỆN CÓ CỦA CÔNG TRÌNH, VẬT KIẾN TRÚC THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 48/QĐ UBND	GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỒ TRỢ
	- Bơ kinh doanh năm thứ 8 (văn dùng đơn giá tại sơ 346 Phụ lục II Quyết định số 87/2024 QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Kon Tum, Kinh doanh từ năm thứ 5 đến năm thứ 10)	cây	3.0	275.000	100%					825.000
	- Máng cầu kinh doanh năm thứ 8 (văn dùng đơn giá tại sơ 406 Phụ lục II Quyết định số 87/2024 QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Kon Tum, Kinh doanh từ năm thứ 4 đến năm thứ 15)	cây	2.0	300.000	100%					600.000
	- Chanh kinh doanh năm thứ 4 (văn dùng đơn giá tại sơ 406 Phụ lục II Quyết định số 87/2024 QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Kon Tum, Kinh doanh từ năm thứ 1 đến năm thứ 5)	cây	1.0	390.000	100%					390.000
	- Rau cải các loại, diện tích (8*4)-(7*8*4) (văn dùng đơn giá tại sơ 8a Phụ lục I Quyết định số 87/2024 QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh Kon Tum)	cây	66.4	15.000	100%					996.000
TỔNG CỘNG						718.830,993	1.510.359,045		121.860,498	848.812,491